SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TIỀN GIANG
TRƯỜNG THPT TỨ KIỆT

Số: 353/KH-THPTTK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tx Cai Lậy, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH
Về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I
Năm học 2024-2025

Căn cứ Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở (THCS) và học sinh trung học phổ thông (THPT);

Căn cứ Công văn số 1561/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 1723/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 06/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang về việc hướng dẫn thống nhất cấu trúc đề kiểm tra định kỳ năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục trung học, giáo dục thường xuyên;

Căn cứ công văn số 2429/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 04/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang về việc hướng dẫn kiểm tra, đánh giá cuối kỳ I năm học 2024-2025 đối với giáo dục trung học, giáo dục thường xuyên;

Trường THPT Tứ Kiệt xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I năm học 2024 – 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) quy định về đánh giá học sinh THCS và học sinh THPT.

- Giúp học sinh ôn tập, hệ thống lại các kiến thức trọng tâm của chương trình, tiếp cận trực tiếp với nhiều dạng câu hỏi, biết vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, tiếp cận được các dạng đề theo hình thức thi TN.THPT theo quy định mới của Bộ phù hợp với đặc thù các bộ môn, đồng thời giúp học sinh hệ thống lại kiến thức chuẩn bị tốt cho các kỳ kiểm tra định kỳ cuối học kỳ.

- Việc xây dựng bảng đặc tả, ma trận, biên soạn đề kiểm tra, hướng dẫn chấm phải thực hiện đúng theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Những trường hợp học sinh vắng kiểm tra theo lịch chung, nhà trường chủ động sắp xếp cho học sinh được tham gia kiểm tra bổ sung theo đúng quy định (không kiểm tra trực tuyến).

- Tổ trưởng chịu trách nhiệm sinh hoạt trong tổ về quy trình biên soạn đề kiểm tra; nhắc nhở giáo viên thực hiện đúng quy định, quy chế, đảm bảo tuyệt mật trong việc ra đề; tham gia coi, chấm kiểm tra, vào điểm, báo điểm kiểm tra đúng quy định.

- Sắp xếp học sinh theo thứ tự A, B, C… cho từng khối, chia phòng kiểm tra không quá 24 học sinh/01 phòng, thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế.

- Đảm bảo kỳ kiểm tra diễn ra nghiêm túc, công bằng, khách quan, đúng quy chế. Đánh giá chất lượng dạy và học, trên cơ sở đó điều chỉnh rút kinh nghiệm, đề ra những giải pháp thích hợp để nâng cao chất lượng trong nhà trường.

II. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra

- Nội dung kiểm tra tập trung được tính từ thời điểm đầu học kỳ 1 đến cuối HK1 (từ tuần 1 đến tuần 16). Tùy vào đặc thù của từng bộ môn, sự phù hợp của đa số trình độ học sinh của từng khối lớp; tổ bộ môn thống nhất ma trận, nội dung của đề kiểm tra.

- Nội dung đề phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ, thể hiện đúng mức độ yêu cầu về kiến thức, kĩ năng và thái độ được xác định trong chương trình THPT. Lời văn, câu chữ phải rõ ràng không sai sót. Phân loại được trình độ học sinh phù hợp thời gian của từng môn học.

2. Quy định các mức độ nhận thức

- Phần I (P.I) là các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn (04 phương án A, B, C, D) chọn 01 đáp án đúng; cấp độ tư duy (trừ môn tiếng Anh có hướng dẫn riêng của bộ môn) gồm nhận biết, thông hiểu, vận dụng. Mỗi câu trả lời đúng học sinh được 0,25 điểm.

- Phần II (P.II) là các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm Đúng/Sai; cấp độ tư duy gồm nhận biết, thông hiểu, vận dụng. Mỗi câu hỏi có 04 ý, tại mỗi ý học sinh lựa chọn đúng hoặc sai. Nếu:

+ Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

+ Học sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

+ Học sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

+ Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm.

(Hoặc theo hướng dẫn của bộ môn)

- Phần III (P.III) là các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm trả lời ngắn; cấp độ tư duy gồm nhận biết, thông hiểu, vận dụng. Học sinh tô vào các ô tương ứng với đáp án của mình:

+ Môn Toán: mỗi câu trả lời đúng học sinh được 0,5 điểm.

+ Các môn còn lại (nếu có): mỗi câu trả lời đúng học sinh được 0,25 điểm.

- Phần tự luận: cấp độ tư duy gồm nhận biết, thông hiểu, vận dụng.

a) Khối lớp 10, 11

- Đề kiểm tra đánh giá cuối kỳ của khối 10, 11 các môn học được đánh giá bằng điểm số, phải xây dựng ma trận, đặc tả của đề kiểm tra theo tỷ lệ điểm số giữa TN và TL thống nhất chung như bảng bên dưới.

- Các môn có thi TN THPT, thực hiện cấu trúc đề kiểm tra định kỳ theo hướng tiệm cận cấu trúc đề thi TN THPT từ năm 2025 của Bộ GDĐT. Cụ thể:

+ Môn Ngữ văn: tự luận 100%. Đọc hiểu: 04 điểm; Viết: 06 điểm.

+ Các môn còn lại (đánh giá bằng điểm số): trắc nghiệm và tự luận.

- Lưu ý: tùy vào từng bộ môn để thống nhất điểm số cho các cấp độ tư duy giữa các phần (P.I, P.II, TL), nhưng phải đảm bảo tỷ lệ điểm số giữa các cấp độ tư duy I, II, III trong đề kiểm tra là 4-3-3.

Bảng phân bố điểm số giữa trắc nghiệm và tự luận trong đề kiểm tra cuối kỳ:

TT	Môn học	Lớp 10			Lớp 11		
		TN		TL	TN		TL
		P.I	P.II		P.I	P.II	
1	Toán	4	3	3	4	3	3
2	Lịch sử	4	3	3	4	3	3
3	Địa lý	4	3	3	4	3	3
4	Vật lý	4	3	3	4	3	3
5	Hóa học	4	3	3	4	3	3
6	Sinh học	4	3	3	4	3	3
7	Công nghệ NN-CN	4	3	3	4	3	3
8	Tin học	4	3	3	4	3	3
9	GDKT và PL	4	3	3	4	3	3
10	Tiếng Anh (GK)	7	0	3	7	0	3
	Tiếng Anh (CK)	5	0	3TL-2Nói	5	0	3TL-2Nói
11	Ngữ văn	0	0	10	0	0	10
12	GDQPAN	7	0	3	7	0	3

b) Khối lớp 12

- Các môn có thi TN THPT, đề kiểm tra cuối kỳ có cấu trúc như đề thi TN THPT năm 2025 (theo Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 của Bộ GDĐT). Cụ thể:

+ Môn Ngữ văn: tự luận 100%. Đọc hiểu: 04 điểm; Viết: 06 điểm.

+ Các môn còn lại (đánh giá bằng điểm số) trắc nghiệm 100%, theo 3 dạng thức.

- Lưu ý: tùy vào từng bộ môn để thống nhất điểm số cho các cấp độ tư duy đối với mỗi phần P.I, P.II, P.III, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ điểm số giữa các cấp độ tư duy I, II, III trong đề kiểm tra là 4-3-3.

Bảng phân bố điểm số giữa trắc nghiệm và tự luận trong đề kiểm tra cuối kỳ:

TT	Môn học	Lớp 12		
		P.I	P.II	P.III
1	Toán	3	4	3
2	Lịch sử	6	4	0
3	Địa lý	4.5	4	1.5
4	Vật lý	4.5	4	1.5
5	Hóa học	4.5	4	1.5
6	Sinh học	4.5	4	1.5
7	Công nghệ NN-CN	6	4	0
8	Tin học	6	4	0
9	GDKT và PL	6	4	0
10	Tiếng Anh (GK)	10	0	0
	Tiếng Anh (CK)	10	0	0
11	Ngữ văn	100% tự luận		
12	GDQPAN	7 TN – 3 TL như lớp 10, 11		

- Kiểm tra trên lớp các môn: Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và Nội dung giáo dục địa phương lớp 10, 11,12. Giáo viên dạy ra đề kiểm tra. Thời gian thực hiện: trước thời điểm kiểm tra tập trung 01 tuần.

- Các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, thực hiện theo quy định về đánh giá bằng nhận xét của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT.

III. THỜI GIAN

1. Chuẩn bị

- Ngày 16/12/2024: Hạn cuối nộp đề kiểm tra các môn kiểm tra không tập trung. Tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn nộp đề cho cô Xuân. Từ 19/12/2024 đến 21/12/2024: Tổ chức sao in lần 1. Ngày 23/12 đến 28/12/2024: GVBM cho kiểm tra các môn không tập trung trên lớp.

- Ngày 23/12/2024: Hạn cuối nộp đề kiểm tra các môn kiểm tra tập trung. Tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn nộp đề cho cô Xuân. Từ ngày 23/12/2024 đến 28/12/2024: Tổ chức in sao lần 2.

- Nộp đề: nộp bản giấy (đề + đáp án đề chính thức và dự phòng) đồng thời nộp qua gmail lethanhxuantukiet@gmail.com gồm ma trận, bản đặc tả, đề, đáp án và hướng dẫn chấm.

2. Tổ chức coi kiểm tra

- Từ ngày 06/01/2025 đến 11/01/2025: Học sinh tham gia kiểm tra theo lịch; giáo viên coi kiểm tra theo phân công.

- Ngày 13/01/2025: Công bố danh sách, lịch kiểm đợt 2 (kiểm tra bù); Đối với những học sinh không thể tham dự kiểm tra theo lịch quy định của trường mà có lý do chính đáng, thì được tổ chức kiểm tra, đánh giá bù trong thời gian phù hợp để đảm bảo sơ kết học kỳ I đúng tiến độ. Trường hợp học sinh không có đủ điểm số kiểm tra, đánh giá theo quy định mà không có lý do chính đáng hoặc có lý do chính đáng nhưng không tham gia kiểm tra, đánh giá bù sẽ nhận điểm 0 (không) của bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3. Lịch kiểm tra: theo phục lục đính kèm

4. Lưu ý chung

- Các cấp độ tư duy gồm: nhận biết (i), thông hiểu (ii), vận dụng (iii).

- Mỗi môn trộn 04 mã đề, in 01 mặt trên giấy A4, tổ trưởng, nhóm trưởng bộ môn kiểm tra đề và ký duyệt vào đề góc trên bên phải.

- Tiêu đề đề kiểm tra như sau:

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TIỀN GIANG **TRƯỜNG THPT TỨ KIỆT** **ĐỀ CHÍNH THỨC** *(Đề có……trang)* **Mã đề**	**ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I** **NĂM HỌC 2024-2025** **MÔN: - Khối** *Ngày kiểm tra:* *Thời gian kiểm tra:*

- Nội dung đề kiểm tra phải đảm bảo tính chính xác, khoa học và tính sư phạm, phù hợp chương trình và thời gian quy định. Lời văn, câu chữ phải rõ ràng. Đề kiểm tra tự luận phải ghi rõ số điểm của mỗi câu hỏi; điểm của bài kiểm tra tự luận và bài kiểm tra trắc nghiệm được quy về thang điểm 10. Đề kiểm tra phải ghi rõ có mấy trang (đối với đề kiểm tra có từ 02 trang trở lên) và có chữ "HẾT" tại điểm kết thúc đề.

- Cách làm tròn điểm số các bài kiểm tra định kỳ có trắc nghiệm khách quan: điểm số của bài kiểm tra được làm tròn đến một số thập phân. Ví dụ:

+ Điểm toàn bài là 5,10; 5,11; 5,12; 5,13; 5,14 được làm tròn là 5,1.

+ Điểm toàn bài là 5,15; 5,16; 5,17; 5,18; 5,19 được làm tròn là 5,2.

- Việc xây dựng ma trận, bảng đặc tả của đề kiểm tra cần phối hợp theo tỷ lệ phù hợp giữa câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi tự luận.

- Giao TTCM, nhóm trưởng CM họp tổ thống nhất cấu trúc ra đề căn cứ vào thời gian làm bài và cấu trúc của mỗi môn. Phân công giáo viên ra đề, tổng hợp đề.

- Các tổ ra cấu trúc đề minh họa gửi đến học sinh trước kỳ kiểm tra.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Đối với ban giám hiệu

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá cuối kỳ I, thành lập đầy đủ các hội đồng theo quy định để tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn tập trung vào việc thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá cuối kỳ I; thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học; thực hiện kế hoạch và dạy học theo nội dung chương trình; đảm bảo kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Đánh giá công tác điều hành, quản lý của các tổ chuyên môn; công tác đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng dạy và học của từng bộ môn; chất lượng giáo dục của đơn vị.

- Cập nhật đầy đủ, kịp thời (**hạn cuối là ngày 26/01/2025**) kết quả rèn luyện và kết quả học tập của học sinh lên hệ thống vnEdu để phục vụ công tác sơ kết học kỳ I của ngành.

2. Thư ký kiểm tra

Phối hợp với lãnh đạo trường quản lý tổ chức kiểm tra, lập biên bản theo buổi, môn; cập nhật, lập danh sách giáo viên đổi phân công, danh sách học sinh vắng, trễ, vi phạm quy chế; quản lý thu bài kiểm tra, bàn giao bài cho hiệu phó chuyên môn.

3. Đối với tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn

- Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo về: bảo mật đề kiểm tra, chuẩn kiến thức, nội dung và đáp án; kết quả chấm bài.

- Thống nhất trong tổ ma trận đề kiểm tra, phổ biến nội dung kiểm tra theo tiến độ kế hoạch. Cùng giáo viên bộ môn chịu trách nhiệm về kết quả chấm cũng như điểm số của bài kiểm tra.

- Thống nhất đáp án chấm kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở giáo viên thực hiện chấm bài đúng tiến độ, đúng quy định.

- Chú ý nội dung, hình thức đề, tiêu đề, câu, thang điểm, kỹ thuật, tập tin, Font Times New Roman, Size 14 (hoặc 13) (theo mẫu đề của Sở công văn 1281/SGDĐT-KTQLCLGD ngày 06/9/2023). SAI, YÊU CẦU SỬA LẠI MỚI NHẬN.

- Toàn bộ đề kiểm định kỳ và đề kiểm tra định kỳ của trường đều gửi về Sở làm ngân hàng đề thi theo yêu cầu.

4. Đối với giáo viên

- Đối với giáo viên giảng dạy trên lớp: hướng dẫn ôn tập cho học sinh theo nội dung đã thống nhất của tổ chuyên môn. Khi được phân công ra đề và hướng dẫn chấm phải chịu trách nhiệm về tính bảo mật của đề và hướng dẫn chấm.

- Đối với GVCN: nhắc nhở xem kỹ lịch kiểm tra, đi đúng buổi, đúng môn và có mặt đúng giờ.

- Có mặt tại phòng hội đồng đúng thời gian theo bảng phân công coi kiểm tra, thực hiện coi kiểm tra theo phân công. Phổ biến nội quy, quy chế cho học sinh trước giờ làm bài.

- Khi chấm bài phải chính xác, giảm thiểu các sai sót trong quá trình chấm. Cùng tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm về điểm chấm.

- Nộp bài chấm cho bộ phận nhập điểm: chậm nhất sau 03 ngày kiểm tra.

5. Đối với bộ phận Giáo vụ, IT:

Chuẩn bị hồ sơ kiểm tra gồm: danh sách thí sinh theo lớp, theo phòng, các loại biên bản, nội quy, giấy làm bài, giấy nháp, sơ đồ. Lưu trữ hồ sơ, bài kiểm tra theo quy định.

6. Đối với văn thư

- Soạn quyết định thành lập hội đồng, ban in sao, thư ký; đóng dấu các ấn chỉ, ấn phẩm kiểm tra; thông báo lịch kiểm tra.

- Báo cáo Sở GDĐT Tiền Giang các nội dung: Kế hoạch kiểm tra.

- Hỗ trợ các bộ phận khi có sự điều động của lãnh đạo.

7. Đối với kế toán, thư viện

- Hỗ trợ các bộ phận khi có sự điều động của lãnh đạo.

Trên đây là kế hoạch tổ chức kiểm tra cuối học kỳ 1, năm học 2024-2025 đề nghị các cá nhân, bộ phận liên quan nghiêm túc thực hiện. Kế hoạch có thể thay đổi tuỳ tình hình thực tế, nhà trường sẽ thông báo để Thầy (Cô) cập nhật kịp thời./.

Nơi nhận:
- Phòng giáo dục trung học (để báo cáo);
- CBQL, GV, NV trường THPT Tứ Kiệt (để th/h);
- Lưu: VT, PHTCM.

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Phạm Văn Nghĩa

LỊCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo kế hoạch số 353/KH-THPTTK ngày 09/12/2024 của trường THPT Tứ Kiệt)

Ngày	Buổi	Môn	Lớp	TG làm bài	HS có mặt tại phòng thi	Phát đề	Tính giờ làm bài	Còn 15 phút	Thu bài	Số phòng
23/12/2024	**Sáng**	**TNHN**	**11,12**	45 phút	6h45	7h55	7h00	7h30	7h45	20
	Chiều		**10**	45 phút	15h50	15h50	15h55	16h25	16h40	12
06/01/2025 (Thứ hai)	**Sáng**	Văn 12	A1-A10	90 phút	6h45	6h55	7h00	8h15	8h30	17
		Sử 12	A1-A10	45 phút	8h45	8h50	9h00	9h40	9h45	17
	Chiều	Văn 11	A1-A10	90 phút	12h30	12h40	12h45	14h00	14h15	18
		Sử 11	A1-A10	45 phút	14h30	14h40	14h45	15h15	15h30	18
07/01/2025 (Thứ ba)	**Sáng**	Tiếng Anh 12	A1-A10	50 phút	6h45	6h50	7h00	7h35	7h50	17
		Lý 12	A1-A3,A8-A10	50 phút	8h05	8h10	8h20	9h40	9h10	10
		CNCN 12	A1-A3	45 phút						
		CNNN 12	A4-A7	50 phút						
	Chiều	Tiếng Anh 11	A1-A10	45 phút	12h30	12h40	12h45	13h15	13h30	18
		Địa 11	A5-A10	45 phút	13h45	13h55	14h00	14h30	14h45	11
		Hóa 11	A1-A4	45 phút	13h45	13h55	14h00	14h30	14h45	7
		CNCN 11	A5-A7	45 phút						
		CNNN 11	A8-A10	45 phút						
08/01/2025 (Thứ tư)	**Sáng**	Toán 11	A1-A10	90 phút	6h45	6h55	7h00	8h15	8h30	18
		Sinh 11	A1-A4,A8-A10	45 phút	8h45	8h55	9h00	9h40	9h45	12
	Chiều	Văn 10	A1-A12	90 phút	12h30	12h40	12h45	14h00	14h15	22
		Sử 10	A1-A12	45 phút	14h30	14h40	14h45	15h15	15h30	22

09/01/2025 (Thứ năm)	**Sáng**	Tin 11	A1-A7	45 phút	6h45	6h55	7h00	7h30	7h45	13
		Lý 11	A1-A7	45 phút	8h00	8h10	8h15	8h45	9h00	13
		GDKTPL 11								
	Chiều	Tiếng Anh 10	A1-A12	45 phút	12h30	12h40	12h45	13h15	13h30	22
		Địa 10	A6-A12	45 phút	13h45	13h55	14h00	14h30	14h45	13
		Hóa 10	A1-A5	45 phút	13h45	13h55	14h00	14h30	14h45	9
10/01/2025 (Thứ sáu)	**Sáng**	Toán 12	A1-A10	90 phút	6h45	6h50	7h00	8h15	8h30	17
		Địa 12	A1-A7		8h45	8h50	9h00	9h40	9h45	12
		Sinh 12	A8-A10	50 phút	8h45	8h50	9h00	9h35	9h50	5
		GDKTPL 12	A4-A7	45 phút						
	Chiều	Toán 10	A1-A12	90 phút	12h30	12h40	12h45	14h00	14h15	22
		Sinh 10	A1-A5, A9-A12	45 phút	14h30	14h40	14h45	15h15	15h30	16
		GDKTPL 10	A9-A12	45 phút						
11/01/2025 (Thứ bảy)	**Sáng**	Tin 12	A1-A10	45 phút	6h45	6h50	7h00	8h30	7h45	17
		Hóa 12	A8-A10	50 phút	8h00	8h05	8h15	8h50	9h05	5
	Chiều	Tin 10	A1-A8	45 phút	12h30	12h40	12h45	13h05	13h30	15
		Lý 10	A1-A8	45 phút	13h45	13h55	14h00	14h30	14h45	15
		CNCN 10	A6-A8	45 phút						
		CNNN 10	A9-A10	45 phút						

* Lưu ý: Học sinh có mặt tại phòng thi: buổi sáng lúc 6 giờ 45 phút, buổi chiều lúc 12 giờ 30 phút

DANH SÁCH GÁM THỊ

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo kế hoạch số 353/KH-THPTTK ngày 09/12/2024 của trường THPT Tứ Kiệt)

STT	Họ	Tên	Ngày (06/01)		Ngày (07/01)		Ngày (08/01)		Ngày (09/01)		Ngày (10/01)		Ngày (11/01)		Số buổi
			Sáng T2	Chiều T2	Sáng T3	Chiều T3	Sáng T4	Chiều T4	Sáng T5	Chiều T5	Sáng T6	Chiều T6	Sáng T7	Chiều T7	
1	Nguyễn Mỹ	Phương	x	x		x	x			x	x	x	x		8
2	Phan Thị Xuân	Hồng	x	x			x	x		x	x	x	x		8
3	Phạm Thị Kim	Phượng	x	x			x			x	x	x	x	x	8
4	Nguyễn Minh	Nhàn	x	x			x			x	x	x	x	x	8
5	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	x	x		x	x			x	x	x		x	8
6	Nguyễn Thanh	Tú	x	x			x	x		x	x	x	x		8
7	Trần Văn	Phương	x	x		x	x		x	x	x	x			8
8	Huỳnh Ngọc	Ẩn	x			x	x	x	x	x	x	x			8
9	Lê Thị Như	Hà	x		x		x		x	x	x		x	x	8
10	Phạm Thị Thúy	Vân	x	x			x	x		x		x	x	x	8
11	Phan Thị	Màu	x	x			x	x					x	x	6
12	Trần Thị	Ngoan	x	x			x	x					x	x	6
13	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	x	x	x	x	x	x		x		x			8
14	Phan Thị Mỹ	Dung		x	x	x			x	x	x	x		x	8
15	Trần Thiện	Dung	x		x	x		x		x	x	x		x	8
16	Nguyễn Thanh	Châu		x		x	x	x		x		x	x	x	8
17	Lê Thanh	Thảo	x	x		x	x			x	x	x		x	8
18	Bùi Quốc	Vân	x		x	x		x		x		x	x	x	8

STT	Họ	Tên	Ngày (06/01)		Ngày (07/01)		Ngày (08/01)		Ngày (09/01)		Ngày (10/01)		Ngày (11/01)		Số buổi
			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	
19	Phan Phước	Hải	x	x	x			x		x		x	x	x	8
20	Nguyễn Công	Tấn	x		x	x		x		x		x	x	x	8
21	Phạm Minh	Trí	x		x	x		x		x		x	x	x	8
22	Nguyễn Thanh	Tùng	x	x	x	x	x	x			x	x			8
23	Nguyễn Trí	Dũng	x		x	x	x	x	x	x		x			8
24	Lê Trung	Hiếu	x		x	x	x	x	x		x		x		8
25	Huỳnh Thị Cẩm	Loan	x		x	x	x	x			x	x		x	8
26	Trương Hoàng	Luông	x	x	x		x	x			x	x		x	8
27	Nguyễn Thị Kim	Quít	x		x		x	x	x	x	x	x			8
28	Nguyễn Thị Kim	Cương	x	x			x	x	x		x	x	x		8
29	Ngô Thị Thảo	Sương	x	x			x	x	x		x	x	x		8
30	Nguyễn Hữu	Duyên		x				x	x	x	x	x	x	x	8
31	Ngô Thiên	Nhi		x				x	x	x	x	x	x	x	8
32	Âu Sơn	Hùng		x	x	x		x	x	x		x		x	8
33	Nguyễn Thị Diệu	Hạnh		x	x	x		x	x	x		x		x	8
34	Nguyễn Văn	Hoàng		x	x	x			x	x	x	x		x	8
35	Đặng Thế	Hòa		x	x	x		x	x	x	x		x		8
36	Võ Trần Ngọc	Thiện		x	x	x		x		x			x		6
37	Đoàn Thị Tú	Trinh		x	x	x	x	x		x		x	x		8
38	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu		x	x	x		x		x		x	x	x	8
39	Nguyễn Thị Hồng	Tươi		x	x	x	x			x	x	x	x		8
40	Võ Thị Phương	Trúc			x	x	x	x	x	x	x		x		8
41	Nguyễn Thị	Gọn			x		x	x		x	x	x	x	x	8
42	Trần Thị	Nhớ			x	x	x	x	x	x	x	x			8

STT	Họ	Tên	Ngày (06/01)		Ngày (07/01)		Ngày (08/01)		Ngày (09/01)		Ngày (10/01)		Ngày (11/01)		Số buổi
			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	
43	Lê Thị Mỹ	Hạnh			x	x	x	x	x	x					6
44	Nguyễn Thị Mộng	Thúy	Thực hiện nhiệm vụ theo phân công của HT			x		x	x						3
45	Nguyễn Văn	Ấn				x		x	x						3
46	Lê Văn	Hưởng													
47	Trần Minh	Trung													
48	Đặng Huỳnh Thanh	Thảo													
49	Ngô Phương	Trang													
50	Lương Trần Anh	Thư													
51	Trần Quốc	Bình													
52	Lê Bằng Ngọc	Hoa													
53	Võ Thành	Tâm													
54	Lê Phúc	Loan													
55	Nguyễn Thị Thu	Vân													
56	Trần Trọng	Nghĩa													
57	Phạm Đa Trường	Phú													
58	Nguyễn Thị Kim	Thi													
	Số phòng		17 /17	18/ 18	17/ 10	18/ 11-7	18/ 12	22/ 22	13/ 13	22/ 13-9	17/ 12-5	22/ 8	17/ 5	15/ 15	
	TC		*27*	*29*	*26*	*29*	*29*	*35*	*20*	*35*	*27*	*35*	*26*	*24*	